


**DỰ THẢO**

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC ĐIỂM SỬA ĐỔI TRỌNG YẾU  
ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN NĂM 2021**



Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều lệ 1	a. “Vốn điều lệ” có nghĩa là vốn do tất cả cổ đông đóng góp và quy định tại <u>Điều 5</u> Điều lệ này	a. “Vốn điều lệ: là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại <u>Điều 6</u> Điều lệ này	Điều lệ 1	Cập nhật định nghĩa mới
	Không quy định	“Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.		Cập nhật định nghĩa mới
	b. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số <u>68/2014/QH13</u> được Quốc hội thông qua ngày <u>26/11/2014</u> và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm;	c. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số <u>59/2020/QH14</u> được Quốc hội thông qua ngày <u>17/06/2020</u> và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm;		Cập nhật số hiệu luật Doanh nghiệp
	c. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010	d. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019		Cập nhật số hiệu luật Chứng khoán
	e. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác (các vị trí quản lý trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn)	<u>g. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</u>		Cập nhật định nghĩa mới
	Không quy định	<u>h. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.</u>		Cập nhật định nghĩa mới
	f. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại <u>Khoản 17 Điều 4</u> của Luật	i. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại <u>khoản 46 Điều 4</u> Luật		Thay đổi dẫn chiếu luật

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	Doanh nghiệp, <u>khoản 34 Điều 6</u> Luật chứng khoán;	chứng khoán;		
	g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán	k. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 18 Điều 6 4 Luật chứng khoán		Thay đổi dẫn chiếu luật
	Không quy định	m. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.		Thay đổi dẫn chiếu luật
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	1. Tên Công ty - Tên viết tắt: PHUOC AN PORT (PAP) 	1. Tên Công ty - Tên viết tắt: <b>PAP</b>  - Không sử dụng Logo	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	
	5. Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo <u>khoản 2 Điều 54</u> , thời hạn của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.		
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.	1. <b>Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</b>	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	khoản 2, Điều 137 Luật doanh nghiệp mới

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Công ty				
Điều 4. Ngành nghề kinh doanh của Công ty	1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty: Đầu tư, vận hành, khai thác cảng biển, logistics và các dịch vụ khác có liên quan phù hợp với quy định của pháp luật.	1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty: Đầu tư, vận hành, khai thác cảng biển, logistics. <b>Kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư và Khu đô thị, dịch vụ nhà ở công nhân</b> và các dịch vụ khác có liên quan phù hợp với quy định của pháp luật.	Điều 4. Ngành nghề kinh doanh của Công ty	
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. 2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.	Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	Thay đổi theo Điều lệ mẫu
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu <i>trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng</i>	5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với các điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	Thay đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Điều lệ mẫu

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<u>khoản theo phương thức đấu giá</u>	trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác		
	6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. <u>Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</u>	6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.		Quy định hiện hành không cho phép công ty thực hiện bán cổ phiếu quỹ
	7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác <u>khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua</u> và phù hợp với quy định của pháp luật.	7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.		Trái phiếu là chứng khoán phát hành thuộc thẩm quyền của HĐQT.
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	2. Cổ phiếu <u>là chứng chỉ do công ty phát hành</u> , bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại <u>khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp</u> .	2. Cổ phiếu <u>là loại chứng khoán</u> xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại <u>khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp</u> .	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	Thay đổi theo khoản 2 Điều 7 Điều lệ mẫu
	<u>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu</u>	<u>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ</u>		Quy định lại về các trường hợp mất và

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<u>cần được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty</u>	<u>đồng đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</u> <u>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</u> <u>b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới</u>		cấp lại chứng nhận cổ phiếu cho cổ đông theo Điều lệ mẫu
Điều 12. Quyền của cổ đông	1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.	Bỏ	Điều 12. Quyền của cổ đông	Sửa đề phù hợp với Điều lệ mẫu
	2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền <u>hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa.</u>  c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.  d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu. e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và <u>yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</u>	1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền <u>hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.</u> c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan. d. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty. e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; <u>yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;</u>		Quy định rộng hơn về hình thức bỏ phiếu.

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty <u>sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>I, Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <u>Điều 129</u> Luật doanh nghiệp.</p> <p>Không quy định</p>	<p>Bỏ</p> <p>g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.</p> <p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <u>Điều 132</u> Luật doanh nghiệp.</p> <p>i. <u>Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</u></p> <p><u>j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.</u></p>		<p>Cập nhật dẫn chiếu luật Bổ sung theo Điều lệ mẫu</p>
	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên</u> có các quyền sau:</p> <p>a. <u>Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 35 Điều lệ này;</u></p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu</p>	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>Bỏ quy định này</p> <p>a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại</p>		<p>Bỏ quy định nắm giữ liên tục trong vòng 06 tháng trở lên Bỏ quyền đề cử của nhóm cổ đông 5% (Khoản 2, Điều 115</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <u>Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp</u>;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích <u>danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u>;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, <u>địa chỉ thường trú</u>, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</p>	<p><u>Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp</u>;</p> <p>b. Xem xét, tra cứu, trích lục <u>sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty</u>;</p> <p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc</u>, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p><u>d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp</u>;</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>		<p>Luật doanh nghiệp mới)</p> <p>Thay đổi dẫn chiếu luật</p>



Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	Chưa quy định	<p><u>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</u></p> <p><u>a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông:</u></p> <p><u>b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</u></p>		Bổ sung quyền của nhóm cổ đông nắm giữ 10% trở lên theo luật Doanh nghiệp
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	Chưa quy định	<p><u>2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài</u></p>	Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	Quy định thêm về việc cổ đông không được rút vốn khỏi công ty

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
		<i>sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra</i>		
	Chưa quy định	<i>3. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chi sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</i>		Bổ sung nghĩa vụ của cổ đông về bảo mật thông tin
	2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho <i>người khác</i> tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;	4. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho <i>cá nhân, tổ chức khác</i> tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;		
	3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.	5. Thanh toán đủ và đúng hạn số cổ phần cam kết mua.		
	4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.	Bỏ		
	1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	1. Đại hội đồng cổ đông <i>gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết</i> , là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <i>Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp</i>		Bổ sung quy định về gia hạn thời gian họp Đại hội đồng cổ đông. Làm rõ cách

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
		<p><u>Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</u></p>		<p>xác định địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.</p>
<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, <u>Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</u></p>	<p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. <u>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</u></p>	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Bổ sung quy định mời đơn vị kiểm toán tham dự họp ĐHĐCĐ</p>
	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:  <u>b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ</u>  c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật <u>hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này.</u>  <u>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại</u></p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:  <u>Bỏ quy định này</u>   b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;   c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông</p>		<p>Bỏ quy định theo Điều lệ mẫu</p> <p>Thay đổi dẫn</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p><i>Khoản 3 Điều 12 Điều lệ</i> này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <i>Điều 160 Luật Doanh nghiệp</i> hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	<p>quy định tại <i>khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp</i>; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>		chiếu luật
	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày <i>số thành viên Hội đồng quản trị hoặc kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13</i> hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này;</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <i>Điểm a Khoản 4 Điều này</i> thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <i>Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</i>;</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm</p>	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày <i>số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này</i> hoặc nhận được yêu cầu quy định tại <i>điểm c và điểm d khoản 3 Điều này</i>.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <i>điểm a khoản 4 Điều này</i> thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <i>khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</i>;</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b</p>		Thay đổi dẫn chiếu luật

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này <u>có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</u> Chưa quy định</p>	<p>Khoản 4 Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm c Khoản 3 <u>này có quyền cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</u>  <u>d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</u></p>		
<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông <u>thường niên</u> có quyền thảo luận và thông qua: a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị; c. Báo cáo của Ban kiểm soát; d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: a. Thông qua các báo cáo tài chính năm; b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. <u>Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</u> c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; d. <u>Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</u> e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty; b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty; i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty; j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p>	<p>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Đồng nhất quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông nói chung  Bổ quy định chủ tịch HĐQT kiểm TGD, bổ sung việc ĐHĐCĐ phê duyệt quy chế hoạt động HĐQT, BKS</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>đồng quản trị;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong <u>báo cáo tài chính được kiểm toán</u> mới nhất;</p> <p>m. Quyết định mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành của mỗi loại;</p> <p>n. Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 <u>Điều 162</u> Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>o. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.</p>	<p>k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; <u>Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</u>;</p> <p>l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; <u>quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết</u>;</p> <p>m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;</p> <p>e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h. Phê duyệt <u>danh sách</u> công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p>		<p>Thay đổi dẫn chiếu luật</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
		<p>j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong <i>Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty</i>;</p> <p>p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 <i>Điều 167</i> Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>r. <i>Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán</i>;</p> <p>s. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>		
	3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: .....	Bỏ		
Điều	1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng	1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ		Bổ sung khái

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
16. Đại diện theo ủy quyền	<p>cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản <i>theo mẫu của Công ty</i> và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p>	<p><i>đồng là tổ chức</i> có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập <i>theo quy định của pháp luật về dân sự</i> và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. <i>Trường hợp ủy quyền lại</i> thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	<p>niệm người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức</p> <p>Bổ sung quy định về nội dung văn bản ủy quyền theo Điều lệ mẫu. Cho phép ủy quyền lại</p>
	3. Trường hợp luật sư thay mặt .....	Bỏ		
	4. <i>Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này</i> , phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:	3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:		
Điều 17.	1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực	1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực	Điều 17. Thay đổi	Tăng tỷ lệ biểu quyết



Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Thay đổi các quyền	khi được cổ đông nắm giữ <u>ít nhất 65% cổ phần</u> phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ <u>ít nhất 65% quyền biểu quyết</u> của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua	khi được cổ đông nắm giữ <u>ít nhất 75% cổ phần</u> phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ <u>ít nhất 75% quyền biểu quyết</u> của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua <u>hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u>	các quyền	thay đổi quyền của cổ phần ưu đãi theo khoản 6 Điều 148 Luật DN
	2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại <u>Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.</u>	3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại <u>Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.</u>		
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại <u>Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.</u>  2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn <u>năm (05) ngày làm việc</u> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;  3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng <u>phương thức bảo đảm</u> đồng thời công bố trên trang thông tin điện	1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại <u>khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.</u>  2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá <u>mười (10) ngày</u> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; <u>Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</u>  3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng <u>phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông</u>	Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	Thay đổi dẫn chiếu  Bổ sung quy định công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông tham dự họp  Tăng thời gian gửi thư mời họp

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>tử của công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)....</u></p>	<p>đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ)....</u></p>		<p>ĐHĐCD theo quy định tại khoản 1 Điều 143 Luật DN</p>
	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại <u>Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này</u> có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, <u>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</u></p>	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại <u>khoản 3 Điều 12 Điều lệ này</u> có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>		<p>Thay đổi dẫn chiếu</p>
	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến <u>Khoản 4 Điều này</u> nếu thuộc một trong các trường hợp sau: a. Đề xuất được gửi đến <u>không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</u></p>	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến <u>Khoản 4 Điều này</u> nếu thuộc một trong các trường hợp sau: a. Đề xuất được gửi đến <u>không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;</u></p>		<p>Bỏ quy định</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;	b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này. 6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.		về nắm giữ liên tục 6 tháng
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <u>ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</u>	1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <u>trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</u>	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Thay đổi tỷ lệ tổ chức ĐHĐCD lần đầu
	2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được <u>triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày</u> kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% <u>tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</u>	2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này <u>thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày</u> , kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% <u>tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</u>		
	3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể <u>được triệu tập trong vòng hai mươi (20)</u>	3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này <u>thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày</u> kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<i>ngày</i> kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.	đông lần thứ ba được tiến hành <u>không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</u>		
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, ..... <u>Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.....</u>	1. a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, ..... <u>Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</u>	Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	Thay đổi thời điểm công bố kết quả kiểm phiếu
	4. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị</u> làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập ....	2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau: a. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác</u> làm chủ tọa tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập.		Bổ sung quy định chủ tọa họp ĐHĐCĐ
	7. <u>Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.</u>	8. <u>Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</u> a) <u>Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</u> b) <u>Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</u> c) <u>Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành</u>		Thay đổi quy định về hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	Không quy định	<i>một cách công bằng và hợp pháp</i> 9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.		Bổ sung quy định về hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ
	Không quy định	10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.		Bổ sung theo Điều lệ mẫu
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có <u>từ 51%</u> trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông: a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty; c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Riêng đối với việc bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Kiểm soát	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. <u>Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</u> c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong <u>báo cáo tài chính gần nhất</u> của Công ty; e. Tổ chức lại, giải thể Công ty; 2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ	Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Thay đổi tỷ lệ biểu quyết thông qua tại ĐHĐCĐ theo khoản 2 Điều 148 Luật DN  Sửa điều lệ cần thông qua trên 50% Sắp xếp nội dung cho phù hợp với Điều

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>viên có thể thực hiện theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p> <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc <i>sửa đổi và bổ sung Điều lệ</i>, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo <i>Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán</i> được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi <i>trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.</i></p>	<p>đồng sở hữu <i>trên 50%</i> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi <i>trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</i></p>		<p>lệ mẫu và Luật Doanh nghiệp</p>
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng	<p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi</p>	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để	<p>Thay đổi tỷ lệ biểu quyết thông qua tại ĐHĐCĐ theo khoản 4 Điều 148 Luật DN</p> <p>Thay đổi thời gian gửi phiếu lấy ý</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú	
văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi <u>ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn</u> nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.	đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất <u>10 ngày</u> trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. <u>Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</u>	thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	kiến bằng văn bản	
	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: c. Họ, tên, <u>địa chỉ thường trú</u> , quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, <u>địa chỉ thường trú</u> , quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và <u>người đại diện theo pháp luật</u> của Công ty.	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: c. Họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc</u> , quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc</u> , quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị			
	6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông <u>không phải là người điều hành doanh nghiệp</u> . Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, <u>người đại diện theo pháp luật</u> của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.	6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông <u>không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty</u> . Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.			Thay đổi chữ ký người liên quan nội dung biên bản kiểm phiếu
	9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy	9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy			Thay đổi tỷ lệ

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <u>ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết</u> chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu <u>trên 50% tổng số phiếu biểu quyết</u> của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.		thông qua Nghị quyết theo hình thức xin ý kiến ĐHCĐ bằng văn bản.
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng <u>tiếng Anh</u> và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và <u>tiếng Anh</u> đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và <u>tiếng Anh</u> thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p>	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng <u>tiếng nước ngoài</u> và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. <u>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</u></p> <p>2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và <u>tiếng nước ngoài</u> đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng <u>tiếng nước ngoài</u> thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p>	Điều 23. Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung quy định về người ký Biên bản họp ĐHCĐ theo Điều lệ mẫu
	2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp <u>hoặc người khác ký tên trong biên bản họp</u> phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.		
	3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ <u>đông phải</u>	Bỏ		Thay đổi theo



Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p><u>được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</u></p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Bỏ</p> <p>4. <u>Nghi quyết</u>, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và <u>tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp</u> phải được <u>công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán</u> và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>		điều lệ mẫu
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết định của Đại hội đồng cổ đông	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, <u>thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, cổ đông, nhóm cổ đông</u> quy định tại <u>khoản 3 Điều 12 của Điều lệ Công ty</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này,</p>	<p>Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được <u>nghị quyết</u> hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21</u></p>	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Thay đổi đối tượng được yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHDCĐ theo Luật DN và Điều lệ mẫu

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này..</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p> <p><u>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</u></p>	<p><u>Điều lệ này.</u></p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p>		
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	<p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông .....</p> <p>....</p> <p>f. <u>Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty.</u></p> <p>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có)</p> <p>h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có);</p> <p>2. Các cổ đông <u>nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> có quyền</p>	<p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông ....</p> <p>Bỏ</p> <p>f. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.</p> <p><u>g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</u></p> <p>Bỏ</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng</p>	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	<p>Điều chỉnh thông tin các ứng viên HĐQT phải công bố</p> <p>Phù hợp với tỷ lệ số lượng</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>gộp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 60% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.</u></p>	<p>viên Hội đồng quản trị. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.</u></p>		<p>Thành viên HĐQT mới tại Điều 26 Điều lệ dự kiến sửa đổi và tỷ lệ vốn chủ sở hữu hiện tại của các cổ đông Công ty</p>
	<p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng <u>và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</u></p>	<p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại <u>khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</u>, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng <u>trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</u></p>		
	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.</p>	<p>4. <u>Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.</u> Thành viên Hội đồng quản trị công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.</p>		
Điều 26.	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người.	Điều 26. Thành	

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các thành viên HĐQT làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.	2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bầu tại Đại hội đồng cổ đông sẽ được tính nhiệm kỳ 05 năm từ thời điểm bầu. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc</u>	phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Bổ sung cách tính nhiệm kỳ của thành viên HĐQT.
	3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị kể từ thời điểm xảy ra các trường hợp sau: .....	4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị <u>trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</u>		
	4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật <u>về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</u>	5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của <u>pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</u>		
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	1. <u>Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị.</u> Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	Thay đổi theo Điều lệ mẫu
	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: <i>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở</i>	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p><u>các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u></p> <p><u>c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ.</u></p> <p><u>d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;</u></p> <p><u>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết</u></p>	<p>Bỏ</p> <p>b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị</u>; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; <u>cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.</u></p> <p>c. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và <u>người quản lý khác người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.</u></p> <p><u>d. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</u></p> <p><u>e. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</u></p> <p><u>f. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p><u>g. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con,</u></p>		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p> <p>g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</p> <p>h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;</p> <p>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;</p> <p><u>k. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</u> Không quy định.</p> <p><u>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</u></p> <p><u>m. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</u></p> <p><u>Không quy định</u></p> <p>n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc.</p>	<p><u>chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</u></p> <p>bỏ</p> <p>i. <u>Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</u></p> <p><u>j. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty.</u></p> <p>k. <u>Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.</u></p> <p><u>l. Đề xuất loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</u></p> <p><u>m. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</u></p> <p>Bỏ</p> <p><u>o. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</u></p> <p><u>p. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>q. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được</p>		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>3. <u>Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: ....</u></p> <p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. <u>Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</u></p> <p>5. <u>Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</u></p>	<p>kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông; Bỏ</p> <p>3. <u>Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</u></p> <p>Bỏ</p>		
<p>Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>1. <u>Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</u></p> <p>2. <u>Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên</u></p>	<p>1. <u>Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</u></p> <p>2. <u>Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</u></p> <p>3. <u>Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty</u></p>	<p>Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Sửa lại theo Điều lệ mẫu</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p><u>Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</u></p> <p>Không quy định</p>	<p><u>theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</u></p> <p><u>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</u></p>		
<p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p><u>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.</u></p> <p><u>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty, trừ khi Pháp luật có quy định khác.</u></p> <p><u>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</u></p> <p><u>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ</p>	<p><u>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.</u></p> <p><u>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</u></p> <p><u>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp</u></p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn</p>	<p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p>Sửa theo Điều lệ mẫu</p>



Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày	từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày <u>kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm</u>		
	Chưa quy định	<u>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị</u>		Bổ sung quy định theo Điều lệ mẫu
Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, <u>kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó</u> . Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc <u>kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó</u> . Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất <u>hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất</u> triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc <u>tỷ lệ phiếu bầu cao nhất</u> và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người	Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.	trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.		
	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.	2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.		
	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận: b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) <u>người điều hành khác</u> ; .....	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và <u>quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị</u> : b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) <u>người quản lý khác</u> ; .....		
	Không quy định	4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.		
	5. <u>Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</u> 6. <u>Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết</u>	Bỏ quy định này		Điều lệ mẫu không quy định

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<u>định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</u>			
	<p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất <u>năm (05) ngày làm việc</u> trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng <u>thư</u>, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.</p>	<p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo họp Hội đồng quản trị chậm nhất <u>ba (03) ngày làm việc</u> trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng <u>giấy mời, điện thoại</u>, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác, và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p>		
		<p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>		Bổ sung quy định BKS tham dự họp HĐQT theo Điều lệ mẫu
	Chưa quy định	<p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p>		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
		a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này; c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.		
	Chưa quy định	12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.		
	11. Biểu quyết: ..... 12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng .....	Bỏ		
	15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị .....	Bỏ		
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. 2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.	1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, <u>quản lý rủi ro</u> . Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định <u>có tối thiểu là 03 người</u> bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.	Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Sửa theo Điều lệ mẫu

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
		<p>Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, <u>hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị</u> phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>		
Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty	<p><u>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</u></p> <p><u>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</u> .....</p> <p><u>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty .....</u></p> <p>4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: ... <u>Không quy định</u></p> <p><b><u>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC</u></b></p>	<p><u>1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p><u>2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</u> Bỏ</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: ... <u>h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</u></p> <p><b><u>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</u></b></p>	Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty	<p>Sửa đổi theo Điều lệ mẫu</p> <p>Sửa đổi tiêu chuẩn người quản trị công ty</p> <p>Bổ sung nghĩa vụ người quản trị công ty theo điều lệ mẫu</p> <p>Thay đổi thuật ngữ theo Điều lệ mẫu</p>
Điều	Không quy định	<u>1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám</u>	Điều 34.	Sửa đổi theo

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
34. Người điều hành doanh nghiệp	2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.	<u>đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</u> <u>3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</u> <u>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên</u>	Người điều hành Công ty	Điều lệ mẫu
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	Không quy định  3. Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau: a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất; c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;	2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.  4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau: a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty; d. Kiến nghị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành	Sửa theo Điều lệ mẫu  Sửa theo Điều lệ mẫu

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;</p> <p>f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>g. Vào ngày 31/12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <p>i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị.</p>	<p>f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.</p> <p>g. Tuyển dụng lao động;</p> <p>h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>hợp đồng lao động ký với Công ty.</p> <p>4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.</p>	Bỏ		
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	<p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng <u>và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</u></p>	<p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và <u>Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.</u> Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng <u>trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</u></p>	Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	
Điều 37. Kiểm soát viên	<p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <u>Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty</u> và không thuộc các trường hợp sau: .....</p> <p><u>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</u></p> <p>...</p> <p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại <u>Luật Doanh</u></p>	<p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <u>Điều 169 Luật Doanh nghiệp</u> và không thuộc các trường hợp sau: .....</p> <p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại <u>khoản 2 Điều</u></p>	Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát	Thay đổi dẫn chiếu luật. Nội dung liên quan đến Trưởng Ban kiểm soát được tách ra làm một Điều khoản riêng.



Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p><u>nghiệp.</u>  <u>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u></p>	<p><u>này.</u>                      Bỏ</p>		
	<p><u>5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</u>  <u>.....;</u>  <u>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u>                      d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. Điều lệ này.</p>	<p><u>3. Kiểm soát viên soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</u>  <u>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u>  <u>d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</u>                      Bỏ</p>		<p>Sửa đổi, bổ sung các trường hợp kiểm soát viên bị miễn, bãi nhiệm</p>
	<p><b>Chưa quy định</b></p>	<p><u>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh</u></p>	<p>Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát</p>	<p>Bổ sung quy định về Trưởng ban kiểm soát theo Điều lệ mẫu</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
		<p><i>doanh của doanh nghiệp.</i></p> <p><i>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</i></p> <p><i>a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông</i></p>		
Điều 38. Ban kiểm soát	<p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại <u>Điều 165 Luật doanh nghiệp</u> và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn <u>tổ chức kiểm toán độc lập</u> thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</p> <p>b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p> <p>c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</p> <p>d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>e. <u>Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy</u></p>	<p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại <u>Điều 170 Luật Doanh nghiệp</u> và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p><u>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</u></p> <p>2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.</p> <p>4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.</p> <p>5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải</p>	Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	Sửa đổi quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p><u>định của Luật doanh nghiệp.</u> f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. 6. <u>Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u> 7. <u>Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</u> 8. <u>Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</u> 9. <u>Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</u> 10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật</p>		
Điều 38. Ban kiểm soát	<p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</p>	<p>1. <u>Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.</u> 2. <u>Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội</u></p>	Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	Tách quy định cuộc họp BKS thành một điều riêng theo Điều lệ mẫu

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
		<u>đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</u>		
Điều 38. Ban kiểm soát	4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.	<u>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:</u> <u>1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</u> <u>2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</u> <u>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</u>	Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên	Tách quy định về tiền lương, thù lao, ... của Kiểm soát viên thành một điều riêng theo Điều lệ mẫu
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại <u>Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</u> 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên,	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan <u>theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.</u> 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên,	Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các	

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
<p>tránh các xung đột về quyền lợi</p>	<p>Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác <u>không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</u></p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác</p> <p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p> <p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc,</p>	<p>Tổng giám đốc, người quản lý khác <u>và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</u></p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này</p>	<p>xung đột về quyền lợi</p>	<p>Bổ sung theo Điều lệ mẫu</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p>cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho</p>	<p>không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% <i>hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất</i>, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p> <p>Bỏ</p>		

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	phép thực hiện. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan			
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình <u>với sự mãn cán và năng lực chuyên môn</u> phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. 2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích <u>hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</u> 3. <u>Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực</u>	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. 2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty <u>với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</u>	Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	Bỏ do nội dung trùng lặp

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<p><i>thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</i></p> <p><i>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</i></p> <p><i>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</i></p>			
<p>Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p>	<p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại <u>Khoản 3 Điều 12</u> Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được <u>kiểm tra danh sách cổ đông</u>, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và <u>sao chụp</u> hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty.</p> <p>Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	<p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, <u>quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</u></p>	<p>Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p>	



Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
		2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.		
Điều 50. Kiểm toán	<u>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</u>	Bỏ nội dung này	Điều 52. Kiểm toán	Theo Điều lệ mẫu
Điều 51. Con dấu	<u>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</u>	<u>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</u>	Điều 53. Con dấu của doanh nghiệp	Theo Điều lệ mẫu
	Không quy định	<u>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</u> <u>a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u> <u>b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</u> <u>c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</u> <u>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</u>	Điều 54. Giải thể công ty	Theo Điều lệ mẫu

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	Không quy định	<p><u>1. Tối thiểu 06 tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</u></p> <p><u>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</u></p> <p><u>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</u></p> <p><u>a. Các chi phí thanh lý;</u></p> <p><u>b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</u></p> <p><u>c. Nợ thuế;</u></p> <p><u>d. Các khoản nợ khác của Công ty;</u></p> <p><u>e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</u></p>	Điều 55. Thanh lý	Theo Điều lệ mẫu

